

ẢNH HƯỞNG CỦA CUỘC XUNG ĐỘT MỸ, ISRAEL VỚI IRAN ĐẾN AN NINH CHUỖI CUNG ỨNG VÀ KINH TẾ VĨ MÔ CỦA VIỆT NAM

Nguyễn Cao Đức*, Phí Hồng Minh**

Ngày nhận bài: 25/04/2026 | Ngày gửi phản biện: 02/05/2026 | Ngày duyệt đăng: 21/05/2026

Tóm tắt: Cuộc xung đột Mỹ, Israel với Iran kể từ ngày 28/02/2026 đã kích hoạt cú sốc cung hệ thống, tác động phi tuyến lên an ninh chuỗi cung ứng Việt Nam qua bốn kênh hội tụ: năng lượng, nguyên liệu chiến lược, logistics và tài chính - tỷ giá. Phong tỏa eo biển Hormuz làm gián đoạn các nguyên liệu thiết yếu không có khả năng thay thế trong sản xuất công nghệ cao. Các kênh cú sốc khuếch đại lẫn nhau theo cơ chế phản hồi phi tuyến, xói mòn ngưỡng chống chịu vĩ mô và kích hoạt phụ thuộc lộ trình trong các chuỗi cung ứng cốt lõi. Mô hình tăng trưởng dựa vào gia công lắp ráp định hướng FDI đã chạm ngưỡng chịu đựng khi các công cụ điều tiết vĩ mô suy giảm hiệu lực trước áp lực cung ngoại sinh và cú sốc thể chế. Hệ quả là trạng thái mất cân đối vĩ mô gia tăng và tính dễ tổn thương cấu trúc bộc lộ rõ nét. Để tăng trưởng nhanh và phát triển bền vững đòi hỏi chuyển dịch sang mô hình tự chủ nội sinh, triển khai bốn trụ cột: củng cố vùng đệm thanh khoản và phòng vệ thể chế; phát triển dự trữ năng lượng chiến lược; nội địa hóa chuỗi giá trị bán dẫn và hạ tầng trí tuệ nhân tạo; hoàn thiện chuỗi cung ứng nông nghiệp tuần hoàn nhằm giảm phụ thuộc đầu vào và nâng cao chống chịu hệ thống.

Từ khóa: xung đột Mỹ, Israel với Iran, eo biển Hormuz, an ninh chuỗi cung ứng, ổn định kinh tế vĩ mô Việt Nam.

Abstract: The US, Israel with Iran conflict has triggered a systemic supply shock that propagates nonlinearly through Vietnam's supply chain security via four convergent

*TS., Viện Nghiên cứu Châu Âu và Châu Mỹ; Email: ngcaoduc@gmail.com

**TS., Viện Nghiên cứu Châu Á - Thái Bình Dương; Email: minhphihong@gmail.com

channels: energy, strategic raw materials, logistics, and financial-exchange rate dynamics. The blockade of the Strait of Hormuz has disrupted critical inputs lacking viable substitutes in high-technology production. These shock channels interact through nonlinear feedback mechanisms, eroding macroeconomic resilience thresholds and activating path dependency across core supply chains. The growth model predicated on FDI-oriented assembly manufacturing has reached its structural tolerance limit as macro-regulatory instruments lose effectiveness under exogenous supply pressures and institutional shocks. Consequently, macroeconomic imbalances intensify and structural vulnerabilities become increasingly pronounced. Sustaining rapid growth and long-term development requires a fundamental transition toward an endogenous autonomy model, anchored in four strategic pillars: strengthening sovereign liquidity buffers and institutional defense capacity; developing strategic energy reserves; localizing semiconductor value chains and sovereign artificial intelligence infrastructure; and consolidating circular agricultural supply chains to reduce input dependency and enhance systemic resilience.

Keywords: US, Israel with Iran conflict, Strait of Hormuz, supply chain security, Vietnam's macroeconomic stability.

1. Đặt vấn đề

Cuộc xung đột tại Trung Đông năm 2026 đã cung cấp bằng chứng thực nghiệm cho thấy các điểm nghẽn địa chính trị không chỉ sinh ra trở lực cục bộ, mà còn vận hành như một cơ chế phân bổ lại nguồn lực có tính cấu trúc, định hình lại trật tự phân phối tài nguyên ở quy mô toàn cầu. Kết hợp khung phân tích kinh tế chính trị thể chế của North (1990) về ràng buộc thể chế và luận điểm của Folke et al. (2010) về ngưỡng tới hạn của hệ thống phức tạp, có thể thấy rằng nền kinh tế Việt Nam không chỉ đang chịu các cú sốc ngoại sinh đơn lẻ, mà đang tích lũy áp lực đủ lớn để kích hoạt chuyển đổi sang trạng thái phụ thuộc cấu trúc bền vững.

Tại Việt Nam, sự cùng hội tụ của bốn cú sốc ngoại sinh (gồm: năng lượng; nguyên liệu chiến lược; logistics; và tài chính/tỷ giá) không tạo ra sức ép lạm phát tuyến tính thông thường, mà kích hoạt cơ chế lan truyền không tuyến tính, thâm thấu sâu vào cấu trúc chi phí của các ngành hàng hóa cốt lõi, vượt ra ngoài phạm vi năng lượng (The Economist, 2026). Cơ chế này trực tiếp xói mòn các ngưỡng chống chịu vĩ mô, bộc lộ tính dễ tổn thương cấu trúc và đẩy hệ thống vào tình trạng phụ thuộc chuỗi cung ứng theo nghĩa North (1990) đã khái niệm hóa. Phân tích của Folke et al. (2010) về năng lực chống chịu chuyển đổi cho thấy rằng khi áp lực ngoại sinh vượt ngưỡng tới hạn của một

hệ thống có quán tính thể chế cao, con đường hồi phục về trạng thái ban đầu trở nên không khả thi về mặt cấu trúc; đây chính là cơ chế truyền dẫn từ cú sốc cung sang tình trạng phụ thuộc bền vững tại Việt Nam năm 2026.

Bằng chứng thực nghiệm khẳng định mức độ nghiêm trọng của bốn cú sốc ngoại sinh đó. Giá đoạn hàng hải tại eo biển Hormuz đẩy giá dầu thô toàn cầu tăng từ tháng 3/2026, kéo dự báo lạm phát cả năm của Việt Nam lên mức 4,5% so với mức dự báo ban đầu $4,0 \pm 0,5\%$ (Bộ Tài chính, 2026b; Cục Thống kê, 2026). Dự trữ ngoại hối suy giảm xuống mức tương đương 2 tháng nhập khẩu, thấp hơn ngưỡng an toàn tối thiểu 3,0 tháng theo tiêu chuẩn IMF; kênh truyền dẫn ở đây là áp lực tỷ giá buộc Ngân hàng Nhà nước ưu tiên bảo vệ dự trữ ngoại hối hơn là hỗ trợ thanh khoản nội địa. Lãi suất qua đêm bình quân liên ngân hàng đạt cực đại 16,39%/năm trong giai đoạn tháng 2 và tháng 3/2026, phản ánh ưu tiên phòng thủ tỷ giá của Ngân hàng Nhà nước trước mục tiêu hỗ trợ thanh khoản nội địa (World Bank, 2026; Vietnambiz, 2026a). Cán cân thương mại hàng hóa đảo chiều từ thặng dư 4,3 tỷ USD trong bốn tháng đầu năm 2025 sang thâm hụt 7,11 tỷ USD trong cùng kỳ năm 2026, chủ yếu do gia tăng nhập khẩu hàng hóa trung gian của khối FDI (VOV, 2026c). Theo các tổ chức quốc tế, tăng trưởng kinh tế năm 2026 được dự báo khả năng đạt 7,0%–7,2%, thấp hơn mức 8,0% thực hiện năm 2025, phù hợp với các điều kiện đình trệ lạm phát ở cường độ thấp (World Bank, 2026; ADB, 2026). Yergin (2011), trong phân tích về địa chính trị năng lượng toàn cầu, lưu ý rằng các nền kinh tế phụ thuộc nhập khẩu năng lượng có tính dễ tổn thương không đối xứng khi các điểm nghẽn hàng hải bị kích hoạt; mặc dù phân tích của Yergin xuất phát từ bối cảnh các nền kinh tế công nghiệp hóa và chưa đủ để dự báo hết phổ tác động lên nền kinh tế mở nhỏ như Việt Nam, luận điểm về tính không đối xứng này vẫn có giá trị tham chiếu trực tiếp.

Trên cơ sở khung phân tích kinh tế chính trị cấu trúc kết hợp với phân tích tác động chuỗi cung ứng và mô hình bộ ba bất khả thi, bài viết truy vết theo các kênh tác động của bốn cú sốc ngoại sinh dẫn đến tình trạng suy giảm tăng trưởng tổng cầu. Đồng thời, bài viết xác định các điểm tổn thương trong lĩnh vực cung ứng nhiên liệu hàng không, vận hành lắp ráp bán dẫn và phụ thuộc vật tư nông nghiệp nhập khẩu là các điểm truyền dẫn bất đối xứng theo ngành. Căng thẳng lý thuyết giữa quan điểm của North (1990) về tính ổn định của thể chế và luận điểm của Folke et al. (2010) về khả năng chuyển đổi trạng thái đặt ra câu hỏi lý thuyết còn mở: liệu Việt Nam đang chứng kiến một điều chỉnh chu kỳ có thể hồi phục, hay đang bước vào giai đoạn tái cấu trúc cấu trúc có tính không đảo chiều? Từ câu hỏi này, bài viết đề xuất định hướng lại chính sách tăng cường tự chủ chiến lược theo khung ưu tiên an toàn với ba trục cốt lõi đó là xây dựng dự trữ

năng lượng chiến lược để bảo đảm an ninh năng lượng; phát triển chuỗi giá trị vi mạch nội sinh và trí tuệ nhân tạo theo hướng tự chủ chiến lược công nghệ lõi; và khép kín chuỗi cung ứng nông nghiệp tuần hoàn để bảo đảm an ninh lương thực trong bối cảnh bất ổn địa chính trị gia tăng và nền kinh tế có độ mở lớn với khu vực FDI chiếm tỷ trọng cao trong xuất khẩu, dưới điều kiện phân kỳ chính sách tiền tệ toàn cầu. Ba trục chính sách này, khi được thiết kế đồng thời nhằm vào tính phụ thuộc lộ trình đã hình thành theo nghĩa của North (1990), tạo ra điều kiện duy nhất để quá trình chuyển đổi năng lực phát triển của Việt Nam vượt thoát khỏi điều chỉnh biên, hướng tới tái tổ chức cấu trúc có tính bền vững trong bối cảnh 2026.

2. Cuộc xung đột Mỹ, Israel với Iran làm nảy sinh các cú sốc phía cung

2.1. Cú sốc năng lượng và nhiên liệu

Dữ liệu thực chứng đến cuối tháng 5/2026 xác nhận rằng việc phong tỏa hoàn toàn eo biển Hormuz kể từ ngày 02/3/2026 đã làm giảm khoảng 20 đến 21 triệu thùng dầu thô mỗi ngày, tương đương 25 đến 32% lưu lượng dầu vận tải biển toàn cầu, cùng khoảng 20% nguồn cung khí thiên nhiên hóa lỏng toàn cầu. Đây là một cú sốc ngoại sinh thuần túy về phía cung: thiếu hụt vật lý có tính cấu trúc không thể bù đắp bằng nguồn thay thế trong thời gian ngắn, bởi không có tuyến vận chuyển thay thế nào đủ công suất để tiếp nhận khối lượng lưu thông bị cắt đứt. Hậu quả tức thời là giá dầu Brent vượt ngưỡng 120 USD mỗi thùng, mức giá đoạn nghiêm trọng nhất kể từ thập niên 1970 (IEA, 2026).

Cơ chế truyền dẫn chi phí đẩy lan nhanh vào cấu trúc vĩ mô toàn cầu theo hai tầng liên tiếp. *Tầng thứ nhất* là tác động trực tiếp vào giá năng lượng cuối dùng: tại Mỹ, CPI tháng 4/2026 tăng lên 3,8% so với cùng kỳ, trong đó hơn 40% đóng góp xuất phát từ nhóm năng lượng, giá xăng tăng 5,4% và diesel tăng 17% (An Huy, 2026). *Tầng thứ hai* là hiệu ứng thứ cấp lan sang chi phí vận tải đường bộ và giá hàng hóa nội địa, vì cấu trúc logistics mật đất tại các nền kinh tế lớn phụ thuộc trực tiếp vào giá diesel. Trong hàng không thương mại, giá nhiên liệu Jet A-1 tăng khoảng 300%, thu hẹp biên lợi nhuận hoạt động xuyên lục địa và vô hiệu hóa phần lớn các hợp đồng phòng ngừa rủi ro theo kỳ hạn, vì các hợp đồng này được thiết lập dựa trên biên độ dao động giá thông thường, không dự phòng cho mức tăng đột biến ba lần (An Huy, 2026; IEA, 2026). Kết quả là cấu trúc chi phí vận hành hạ nguồn bị tái định hình theo hướng tăng có tính cố định trong ngắn hạn, đồng thời giảm hiệu lực của các cơ chế phòng hộ giá vốn được xây dựng cho môi trường biến động thông thường.

2.2. Cú sốc nguyên liệu chiến lược

Cuộc khủng hoảng 2026 vượt ra ngoài phạm vi dầu khí, phơi bày sự thiếu hụt vật liệu chiến lược mang tính đặc thù cấu trúc. Vụ tấn công bằng phương tiện bay không người lái vào khu phức hợp Ras Laffan tháng 3/2026 cắt đứt khoảng một phần ba nguồn cung helium toàn cầu. Helium là chất làm mát thiết yếu trong quy trình in thạch bản ở cấp độ nano cho sản xuất vi mạch. Khi nguồn cung gián đoạn, áp lực đó truyền trực tiếp vào dây chuyền sản xuất bán dẫn vì không có vật liệu thay thế tương đương trong ngắn hạn, dẫn đến tình trạng đình trệ sản xuất không thể tự điều chỉnh bằng cơ chế thị trường thông thường (WEF, 2026).

Phong tỏa khu vực Biển Chết làm thiếu hụt hai phần ba sản lượng bromine toàn cầu, nguyên liệu quan trọng cho hợp chất chống cháy và giải nhiệt trong trung tâm dữ liệu trí tuệ nhân tạo. Cùng lúc, xuất khẩu nhôm từ các quốc gia thuộc Hội đồng Hợp tác Vùng Vịnh bị đình trệ, với phần bị ảnh hưởng chiếm xấp xỉ 9% sản lượng và xấp xỉ 18% nguồn cung thị trường tự do, đẩy giá nhôm lên khoảng 4.000 USD mỗi tấn. Những gián đoạn thượng nguồn này không chỉ làm tăng chi phí theo chiều thẳng đứng, mà còn phá vỡ nền tảng vật chất của chuỗi giá trị công nghiệp nặng và công nghệ cao, tạo ra tình trạng phân rã chuỗi cung ứng có tính khó đảo chiều trong ngắn hạn (WEF, 2026).

2.3. Cú sốc logistics và hạ tầng

Phong tỏa tại Hormuz và việc mở rộng vùng tác chiến của lực lượng Houthi cuối tháng 03/2026 đã loại trừ khả năng phục hồi nhanh của tuyến vận tải container qua Biển Đỏ và kênh Suez. Hậu quả là chi phí vận hành và thời gian lưu thông gia tăng đột biến và bất ổn xứng, làm sụp đổ hiệu quả mô hình quản trị hàng tồn kho tuyến tính. Các hãng tàu buộc xây dựng lại các tuyến vận tải qua Mũi Hảo Vọng, nơi chiếm hơn 2,5 triệu TEU công suất vận tải toàn cầu và kéo dài hành trình thêm khoảng 15 ngày, khiến chi phí vận chuyển từ trung tâm chế tạo châu Á tới Bắc Âu và Địa Trung Hải tăng tương ứng 48% và 79% (Xeneta, 2026).

Trên hành lang hàng không, đóng cửa vùng thông báo bay (vùng NOTAM) do rủi ro tên lửa buộc các chuyến bay xuyên lục địa bay vòng thêm 2-4 giờ, làm chi phí vận tải hàng không giao ngay tăng lên mức cao nhất ba năm trở lại đây. Tắc nghẽn tại các cảng trung chuyển thay thế như Jebel Ali đã làm gia tăng chi phí giao dịch (thời gian chờ đợi kéo dài và các tuyến đường vòng khiến chi phí vận tải biển tăng vọt) và tình trạng thiếu hụt thanh khoản (do hàng hóa bị mắc kẹt tại cảng, việc vốn lưu động bị "đóng băng, doanh nghiệp không thể hoàn tất đơn hàng và thu tiền, dẫn đến thiếu hụt tiền mặt). Tổng thể, hạ tầng logistics chuyển từ trạng thái "tuyến tính tối ưu chi phí" sang chuỗi áp lực vật lý (rủi ro đứt gãy, biến động địa chính trị) tạo ra những nút thắt cố định, triệt tiêu khả năng tự điều chỉnh ngắn hạn của thị trường (Xeneta 2026).

2.4. Cú sốc chi phí tài chính và tỷ giá hối đoái

Các cú sốc vật lý nhanh chóng chuyển hóa thành áp lực tài chính qua phản ứng của ngân hàng trung ương và thị trường vốn. Tại Mỹ lạm phát nền duy trì cao và Fed giữ lãi suất quỹ ở vùng 3,50-3,75% làm lợi suất trái phiếu kho bạc 10 năm vượt 4,6% và tạo áp lực siết chặt chi phí vốn toàn cầu. Kết quả là dòng vốn dịch chuyển về các trung tâm tài chính, thu hẹp khả năng tái cấp vốn của các thị trường biên (IMF, 2026; An Huy, 2026).

Tác động tới Việt Nam biểu hiện qua hai kênh áp lực. *Thứ nhất là, chênh lệch cung cầu ngoại tệ thực tế*: trong bốn tháng đầu 2026 nhập khẩu vật tư đầu vào tăng 28,7% trong khi xuất khẩu tăng 19,7%, dẫn tới nhập siêu khoảng 6,8-7 tỷ USD và nhu cầu USD của doanh nghiệp tăng mạnh do phải duy trì chuỗi cung ứng; đồng thời khối ngoại bán ròng trên thị trường chứng khoán làm trầm trọng thêm áp lực ngoại tệ (Lê Mỹ, 2026). *Thứ hai là, lạm phát chi phí đẩy*: CPI tháng 4/2026 đạt 5,46% và chi phí đầu vào theo PMI tăng mạnh, kích hoạt kỳ vọng mất giá VND và hành vi găm giữ ngoại tệ. Hệ quả là biên lợi nhuận ngành xuất khẩu nông sản bị bóp nghẹt và tiến độ các dự án hạ tầng công cộng bị ảnh hưởng do chi phí nguyên vật liệu tăng cao. Cú sốc thể chế từ USTR khi đưa Việt Nam vào danh sách quốc gia nước ngoài được ưu tiên theo dõi (PFC) càng làm suy yếu khuynh hướng thu ngoại tệ trong tương lai và làm xấu đi tâm lý thị trường (USTR, 2026).

Bốn cú sốc nêu trên tương tác theo kiểu phi tuyến tính và cùng nhau tạo áp lực phức hợp lên phía cung của nền kinh tế Việt Nam. Mô hình tăng trưởng dựa trên tối ưu hóa chi phí biến đổi ngắn hạn và phụ thuộc vào dòng vốn FDI đã chạm ngưỡng chịu đựng trong bối cảnh này. Các công cụ kích cầu tiền tệ truyền thống tỏ ra hạn chế trước một cú sốc cung hệ thống, theo đó cần chuyển trọng tâm chính sách sang tăng cường khả năng chống chịu hệ thống và tự chủ chiến lược, bao gồm dự trữ năng lượng và nhiên liệu hàng không, bảo vệ nguồn vật liệu chiến lược, tái cấu trúc hạ tầng logistics và củng cố vùng đệm tài chính nhằm giảm rủi ro lan truyền.

3. Ảnh hưởng của cú sốc cung tới an ninh chuỗi cung ứng của Việt Nam

3.1. Ảnh hưởng tới an ninh chuỗi cung ứng công nghệ cao và bán dẫn hạ nguồn

Sự gián đoạn nguồn cung khí hiếm helium và bromine thượng nguồn từ cuộc xung đột Vùng Vịnh không tác động đến Việt Nam thông qua kênh nhập khẩu nguyên liệu thô trực tiếp, mà gây ra sự sụt giảm tính liên tục thời gian trong chuỗi cung ứng lắp ráp vi mạch hạ nguồn. Các cụm công nghệ chiến lược tại Bắc Ninh, Thái Nguyên và Thành phố Hồ Chí Minh vận hành theo mô hình dự trữ tối thiểu, trong đó toàn bộ năng lực cạnh tranh được xây dựng trên nền tảng tối ưu hóa chi phí lưu kho và tính chắc chắn của

chuỗi cung ứng đầu vào. Khi sự leo thang chiến sự và biến động giá dầu làm suy giảm độ tin cậy của mạng lưới logistics xuyên lục địa, mô hình vận hành nêu trên lập tức chuyển từ lợi thế cạnh tranh thành nhân tố khuếch đại rủi ro, đặt các bộ phận thu mua công nghệ trước tình trạng căng thẳng thanh khoản vật tư và bất định tiến độ xuất xưởng (Hoàng Hà, 2026; Joshi, 2026). Khi 25% đến 30% lô hàng linh kiện công nghệ cao và chip nhớ trung gian (DRAM, NAND) từ châu Âu về Việt Nam bị gián đoạn, hoặc đình trệ do hủy hàng loạt chuyến bay vận tải liên lục địa, năng lực vận hành của toàn bộ chuỗi lắp ráp hạ nguồn suy giảm mang tính cấu trúc (World Economic Forum [WEF], 2026; Xeneta, 2026).

Điểm gây có tính hệ thống cao nhất không nằm ở biến động giá linh kiện, dù đã tăng từ 60% đến 95%, mà nằm ở sự bất định gia tăng của thời gian giao hàng (lead-time). Áp lực logistics hàng không, phát sinh từ yêu cầu bay vòng qua các vùng thông báo tin tức hàng không (NOTAM) tại Trung Á, tạo ra hiện tượng tắc nghẽn dòng cung trung gian không thể dự báo. Sự bất định trong thời điểm cập cảng của vật tư đầu vào khiến các dây chuyền lắp ráp bán dẫn hạ nguồn rơi vào trạng thái ngừng vận hành cục bộ không theo kế hoạch. Biểu hiện này phản ánh sự xói mòn an ninh chuỗi cung ứng xuất phát từ đặc tính chuyên dụng của tài sản công nghệ, trong đó doanh nghiệp không thể thay thế các module đầu vào trên thị trường tự do để bù đắp cho sự nghẽn mạch trong quy trình in thạch bản và tản nhiệt hóa học (Lê Mỹ, 2026; WEF, 2026).

3.2. Ảnh hưởng tới an ninh chuỗi cung ứng nông nghiệp và vật tư chiến lược

Mặc dù Việt Nam duy trì vị thế xuất khẩu lúa gạo hàng đầu thế giới, kiến trúc an ninh chuỗi cung ứng vật tư nông nghiệp nội địa bộc lộ mức độ tổn thương đáng kể trước các xung lực địa chính trị quốc tế. Việc phong tỏa eo biển Hormuz làm gián đoạn khoảng một phần ba luồng thương mại phân bón toàn cầu, đặt hệ thống sản xuất lương thực quốc tế trước nguy cơ suy giảm năng lực đầu vào nghiêm trọng nếu xung đột kéo dài (Hiệp hội Phân bón Việt Nam, 2026). Sức ép nguồn cung này dẫn đến mức tăng giá từ 30% đến 70% đối với các loại phân bón và hóa chất nông nghiệp thượng nguồn trên thị trường thế giới (IEA, 2026). Đối với Việt Nam, cơ chế truyền dẫn rủi ro này vận hành theo cấu trúc bất đối xứng với hai chiều tác động trái chiều. Năng lực giảm thiểu tổn thương từ tự chủ sản xuất nội địa đóng vai trò quan trọng Nhờ năng lực sản xuất phân đạm (urê) từ nguồn khí đốt trong nước, Việt Nam đã hạn chế được nguy cơ suy giảm khối lượng cung ứng vật tư nông nghiệp ở cấp độ toàn diện, duy trì được vùng đệm cung ứng ổn định so với các quốc gia phụ thuộc hoàn toàn vào nhập khẩu, qua đó bảo tồn được tính liên tục của chuỗi cung ứng lương thực ở cấp độ cơ bản (Phương Thảo, 2026). Tuy nhiên, sự phụ thuộc còn lại vào các loại phân bón chuyên dụng như

kali, phân vi lượng và các phức hợp DAP đã tạo ra một kênh truyền dẫn chi phí riêng biệt không thể triệt tiêu bằng năng lực tự chủ urê. Sự gia tăng đồng thời của giá nhập khẩu vật tư chuyên dụng và mức tăng 54% của giá dầu diesel nội địa đã nén mạnh biên lợi nhuận của nông dân, tạo áp lực lạm phát thực phẩm nội địa và làm suy yếu lợi thế cạnh tranh hệ thống của lúa gạo xuất khẩu trên các tuyến hải trình dài (Lê Mỹ, 2026; Xeneta, 2026). Bằng chứng thực nghiệm này xác nhận rằng, tính liên tục của an ninh chuỗi cung ứng nông nghiệp không thể được bảo vệ bằng các biện pháp can thiệp đơn lẻ khi áp lực chi phí đầu vào đã vượt ngưỡng hấp thụ của hệ thống sản xuất (North, 1990).

3.3. Ảnh hưởng tới an ninh chuỗi cung ứng vật liệu chế tạo và xây dựng hạ tầng

Đối với chuỗi cung ứng vật liệu trong các ngành chế tạo và xây dựng, sự leo thang xung đột tại Iran đã gây ra biến động giá lớn trên thị trường hàng hóa cơ bản, vượt ra ngoài các tình huống được mô hình hóa trong các khung quản trị rủi ro thông thường (Quang Duy, 2026). Sự kiện giá nhôm thế giới chạm mốc 4.000 USD/tấn, cùng với tình trạng khan hiếm naphtha cho sản xuất polyme công nghiệp, cấu thành một cú sốc cung, đồng thời tác động lên toàn bộ cấu trúc đầu vào hạ tầng (The Economist, 2026). Trong chuỗi cung ứng công nghiệp ô tô nội địa, sự thiếu hụt linh kiện bán dẫn điện tử và sự cạn kiệt vật liệu cấu trúc thượng nguồn, bao gồm nhôm công nghiệp và nhựa kỹ thuật, diễn ra đồng thời và tương tác theo chiều hướng khuếch đại lẫn nhau, triệt tiêu năng lực lập kế hoạch sản xuất dài hạn của các nhà máy lắp ráp trong nước. Trong lĩnh vực đầu tư công và xây dựng hạ tầng, sự leo thang chi phí này làm suy giảm nghiêm trọng năng lực hấp thụ vốn của hệ thống. Do cơ cấu hợp đồng xây dựng tại Việt Nam thường áp dụng điều khoản giá cố định, hoặc biên độ điều chỉnh hẹp, sự tăng phi tuyến của giá nguyên liệu cấu trúc đã đẩy các nhà thầu vào tình trạng thiếu hụt thanh khoản vận hành. Hệ quả là sự gián đoạn chuỗi cung ứng vật tư tại công trường dẫn đến đình chỉ thi công hàng loạt tại các dự án hạ tầng giao thông và năng lượng trọng điểm quốc gia. Quá trình này minh họa cơ chế chuyển hóa từ áp lực chi phí vật lý thành tổn thương cấu trúc hệ thống, làm gián đoạn dòng lưu chuyển logistics của ngành công nghiệp nặng và thu hẹp không gian thực thi các chương trình đầu tư công (An Huy, 2026; IMF, 2026).

3.4. Ảnh hưởng tới an ninh chuỗi cung ứng vận tải hàng không và chi phí tài chính

Phân khúc vận tải hàng không và logistics tích hợp chịu áp lực tổn thương cao nhất khi chi phí nhiên liệu Jet A-1, vốn chiếm khoảng 40% tổng chi phí vận hành, tăng gấp ba lần so với mức cơ sở, trong khi phí bảo hiểm rủi ro vùng xung đột tăng thêm từ 10% đến 15% (An Huy, 2026; Anh Dũng, 2026). Tính liên tục vận hành của các hãng hàng không nội địa như Vietnam Airlines và Vietjet bị đặt trước áp lực chi phí cấu trúc

nghiêm trọng khi mỗi chuyến bay xuyên lục địa sang châu Âu phải kéo dài hành trình đáng kể do buộc phải sử dụng các hành lang bay thay thế qua không phận an toàn (Xeneta, 2026). Tuy nhiên, nguồn gốc tổn thương có tính hệ thống cao nhất đối với an ninh chuỗi cung ứng tích hợp xuất phát từ áp lực thể chế tài chính xuyên biên giới. Việc Văn phòng Đại diện Thương mại Mỹ (USTR) xếp Việt Nam vào danh sách Quốc gia nước ngoài ưu tiên theo dõi (PFC) trong Báo cáo Đặc biệt 301 tạo ra một cú sốc thể chế có tác động lan tỏa, làm suy yếu tính ổn định của các kế hoạch tài khóa trung hạn (USTR, 2026). Cú sốc này tương tác với chính sách thắt chặt tiền tệ kéo dài của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ dưới sự điều hành của Chủ tịch Kevin Warsh, với mức lãi suất duy trì ở 3,50%-3,75%, đẩy tỷ giá thị trường tự do lên 26.480 VND/USD và tạo ra nhập siêu từ 6,8 đến 7 tỷ USD trong bốn tháng đầu năm 2026, do nhu cầu ngoại tệ nhập khẩu tư liệu sản xuất của khối FDI tăng 28,7% (Anh Dũng, 2026; Lê Mỹ, 2026).

Nguy cơ chịu trừng phạt thuế quan và sụt giảm kim ngạch xuất khẩu từ việc bị liệt vào danh sách PFC làm gia tăng kỳ vọng rủi ro của các tác nhân thị trường, kích hoạt hành vi tích lũy ngoại tệ có tính tự phát. Hiện tượng này khuếch đại trạng thái mất cân đối tiền tệ phi phòng hộ của các doanh nghiệp logistics và sản xuất, làm suy giảm thêm tính linh hoạt tài chính của toàn hệ thống. Khi không gian ngoại hối bị thu hẹp và tỷ giá liên ngân hàng chạm ngưỡng 26.352 VND/USD, năng lực thiết lập tín dụng thư (L/C) của các doanh nghiệp nội địa bị suy giảm nghiêm trọng. Trong bối cảnh đó, sự gián đoạn chuỗi cung ứng không còn được quyết định chủ yếu bởi các yếu tố hàng hải hay hàng không đơn thuần, mà bị quy định bởi khả năng duy trì thanh khoản ngoại tệ tại tầng thiết lập giao dịch, tức là ngay từ điều kiện tiên quyết để dòng giá trị vật lý được khởi động (Lê Mỹ, 2026; Obstfeld & Rogoff, 2000).

Mô hình an ninh chuỗi cung ứng của Việt Nam trong một số ngành của hai quý đầu năm 2026 đã chạm đến giới hạn chịu đựng cấu trúc khi vẫn duy trì các cấu hình gia công phụ thuộc ngoại ứng cao. Sự tích lũy của các hiệu ứng trễ hệ thống và bất đối xứng chi phí đẩy đã làm suy giảm nhất định trạng thái cân bằng vĩ mô vốn hình thành trong giai đoạn tăng trưởng ổn định trước năm 2024. Trong bối cảnh đó, các công cụ can thiệp tài chính ngắn hạn và trợ cấp tỷ giá tiệm tiến đều tỏ ra thiếu hiệu lực trước sức ép thể chế từ USTR và sự bóp nghẹt vật lý tại eo biển Hormuz. Phản ứng chính sách phù hợp với mức độ nghiêm trọng của bối cảnh này đòi hỏi việc thực thi một chương trình tái cấu trúc kiến trúc hệ thống theo mô hình chống chịu, trong đó tự chủ hạ tầng năng lượng sạch, năng lượng nguyên tử, năng lực thiết kế và đóng gói vi mạch bán dẫn và AI, cùng với việc duy trì vùng đệm thanh khoản chủ quyền, đóng vai trò là các trụ cột vận hành không thể thay thế (Folke et al., 2010). Tính cấp

thiết của chương trình này được quy định bởi cấu trúc phi tuyến không thể đảo ngược của môi trường địa kinh tế hiện tại, chứ không xuất phát từ lựa chọn chiến lược có tính tùy nghi.

4. Một số hệ quả chính của các cú sốc cung tới nền kinh tế Việt Nam

4.1. Lạm phát chi phí đẩy và lạm phát kỳ vọng

Không giống với các chu kỳ lạm phát cầu kéo thông thường, lạm phát tại Việt Nam trong giai đoạn này mang cấu trúc chi phí đẩy kép, trong đó áp lực thượng nguồn toàn cầu và áp lực chi phí nội địa khuếch đại lẫn nhau qua hai kênh song song (Bộ Tài chính, 2026a). *Kênh thứ nhất là truyền dẫn từ năng lượng và logistics toàn cầu.* Giá xăng dầu thế giới tăng mạnh từ tháng 3/2026 do tác động của xung đột tại Trung Đông, kéo theo sự leo thang của giá cước vận chuyển, chi phí logistics và giá các hàng hóa thiết yếu. Trước diễn biến đó, Bộ Tài chính đã cập nhật ba kịch bản lạm phát năm 2026 với biên độ tăng lần lượt ở mức 4,5%, 5,0% và 5,5% (Bộ Tài chính, 2026b). Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đồng thời điều chỉnh dự báo lạm phát bình quân năm 2026 lên mức $5,0 \pm 0,5\%$, cao hơn đáng kể so với mức dự báo $4,0 \pm 0,5\%$ được công bố hồi đầu năm (Bộ Tài chính, 2026b). Chỉ số CPI bình quân quý I/2026 tăng 3,51% so với cùng kỳ năm trước, lạm phát cơ bản tăng 3,63%, vượt CPI tổng thể, phản ánh sức lan truyền của áp lực chi phí đẩy ra ngoài phạm vi nhóm năng lượng (Tổng cục Thống kê, 2026). *Kênh thứ hai là truyền dẫn từ vật tư nông nghiệp và nguyên liệu chiến lược.* Lạm phát năm 2026 chịu tác động đồng thời của nhóm nhân tố phía cung, bao gồm biến động giá nguyên vật liệu, biến động tỷ giá và lộ trình điều chỉnh giá các mặt hàng do Nhà nước quản lý; trong khi các nhân tố phía cầu bắt nguồn từ quá trình phục hồi tiêu dùng, mở rộng đầu tư và tác động trễ của tăng trưởng tín dụng năm trước (VOV, 2026a). Sự phụ thuộc còn lại vào kali, phân vi lượng và DAP nhập khẩu duy trì một kênh truyền dẫn giá có tính cơ cấu, trong khi năng lực tự chủ sản xuất urê từ khí đốt nội địa tạo ra một vùng đệm cung ứng có giá trị bù trừ nhất định (VTV Money, 2026). Về phương diện cơ cấu, lạm phát chi phí đẩy loại này không thể kiểm soát hiệu quả thông qua thắt chặt tổng cầu trong nước, bởi nguồn gốc nằm ở phía cung thượng nguồn toàn cầu. Các tổ chức quốc tế đã điều chỉnh dự báo lạm phát bình quân của Việt Nam lên khoảng 3,8-4,9%, trong đó World Bank dự báo mức 4,2% cho năm 2026 (World Bank, 2026; Bộ Tài chính, 2026b). Hệ quả là các biện pháp thắt chặt tiền tệ nhằm kiềm chế lạm phát đồng thời tạo ra lực hãm tăng trưởng, hình thành điều kiện cần thiết cho một giai đoạn đình trệ lạm phát (VOV, 2026b).

4.2. Áp lực tỷ giá hối đoái và nợ nước ngoài

Áp lực lên tỷ giá USD/VND không vận hành theo một kênh đơn tuyến mà phân nhánh qua bốn cơ chế đồng thời, mỗi cơ chế có độ trễ và cường độ riêng biệt. *Thứ nhất là qua kênh chênh lệch lãi suất trực tiếp.* Trong bối cảnh Fed duy trì lãi suất điều hành ở dải 3,50%-3,75% và chỉ số DXY neo ổn định quanh vùng 98-99 điểm, chênh lệch lãi suất danh nghĩa VND-USD tạo ra một biên độ hấp thụ áp lực tỷ giá một phần. Biên độ này suy giảm hiệu quả khi căng thẳng địa chính trị leo thang vượt ngưỡng chịu đựng của thị trường: lãi suất chào bình quân liên ngân hàng VND kỳ hạn qua đêm ghi nhận mức tăng lên 11,1%/năm vào ngày 02/3/2026 và đạt cực đại khoảng 16,39%/năm vào phiên ngày 03/02/2026 (Vietnambiz, 2026a; CafeF, 2026). *Thứ hai là qua kênh kỳ vọng và tâm lý thị trường.* Kênh này vận hành với độ trễ chính sách xấp xỉ bằng không. Quyết định giữ nguyên lãi suất của Fed tác động trực tiếp đến kỳ vọng về mặt bằng lãi suất và định hướng điều hành chính sách tiền tệ tại Việt Nam, tạo ra áp lực giảm giá lên VND trước khi bất kỳ hành động chính sách nào được thực thi (Hương Dịu, 2026). *Thứ ba là qua kênh cầu tài sản trú ẩn trong điều kiện bất ổn địa chính trị.* Việc Fed trì hoãn chu kỳ nói lỏng thu hẹp đáng kể không gian điều hành của NHNN theo hai hướng đối lập nhau: duy trì lãi suất thấp để hỗ trợ tăng trưởng làm gia tăng tốc độ giảm giá VND, trong khi tăng lãi suất để bảo vệ tỷ giá làm tăng chi phí vốn cho khu vực doanh nghiệp trong nước (Hương Dịu, 2026). Với tư cách là đồng tiền của nền kinh tế nhập khẩu năng lượng ròng, VND đồng thời chịu tác động từ cả hai chiều: sức mạnh của USD và chi phí nhập khẩu năng lượng gia tăng. *Thứ tư là qua kênh cung - cầu ngoại tệ thực tế.* Trong bốn tháng đầu năm 2026, kim ngạch xuất khẩu tăng 19,7% trong khi kim ngạch nhập khẩu tăng 28,7%, đẩy cán cân thương mại hàng hóa sang trạng thái thâm hụt 7,11 tỷ USD, đảo chiều so với thặng dư 4,3 tỷ USD của cùng kỳ năm trước (VOV, 2026c; Vietstock, 2026). Sự tồn tại của hiệu ứng truyền dẫn tỷ giá bất đối xứng, phản ánh đồng thời hành vi can thiệp bất đối xứng của NHNN và xu hướng tích trữ ngoại tệ một chiều của các tác nhân kinh tế ảnh hưởng tới dự trữ ngoại hối quốc gia.

Theo báo cáo Kiên định Cải cách, Ứng phó với Biến động của World Bank (2026), dự trữ ngoại hối của Việt Nam ở mức tương đương 1,9 tháng nhập khẩu, thấp hơn ngưỡng an toàn tối thiểu 3,0 tháng theo tiêu chuẩn IMF. Cùng báo cáo đó ghi nhận tổng dư nợ tín dụng đạt 145% GDP, thuộc nhóm cao nhất trong khu vực ASEAN đối với các nền kinh tế có mức thu nhập tương đương, làm thu hẹp đáng kể dư địa điều hành chính sách tiền tệ (World Bank, 2026).

Áp lực nợ nước ngoài theo danh nghĩa cũng có xu hướng tăng. Biến động tỷ giá làm tăng nghĩa vụ nợ danh nghĩa của các doanh nghiệp và tổ chức có dư nợ bằng USD. Theo

kế hoạch ngân sách được phê duyệt, nợ nước ngoài quốc gia dự kiến duy trì ở mức 32-33% GDP vào cuối năm 2026, trong khi nợ công dự kiến ở mức 36-37% GDP, vẫn trong ngưỡng kiểm soát theo quy định pháp luật hiện hành (Bộ Tài chính, 2026c; VN Economy, 2025a). Tuy nhiên, nhu cầu vay của Chính phủ năm 2026 tăng gần 19% so với kế hoạch năm 2025, trong bối cảnh DXY neo ở vùng cao làm tăng chi phí nợ ngoại tệ (Bộ Tài chính, 2026c).

4.3. Thu hút FDI vào Việt Nam

Trong bối cảnh gia tăng bất ổn địa chính trị từ khu vực Trung Đông và môi trường lãi suất Fed ở mức cao, dòng FDI dài hạn vào Việt Nam duy trì đà tăng. Tính đến ngày 31/3/2026, tổng vốn FDI đăng ký đạt 15,20 tỷ USD, tăng 42,9% so với cùng kỳ năm trước; trong đó vốn FDI thực hiện đạt 5,41 tỷ USD, tăng 9,1%, là mức cao nhất ghi nhận trong Quý I của năm năm gần nhất (Cục Đầu tư nước ngoài, 2026a; Vietnambiz, 2026b). Trong số 52 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới, Singapore và Hàn Quốc là hai đối tác dẫn đầu với tổng vốn đăng ký vượt 9 tỷ USD (Vietnambiz, 2026b).

Nghịch lý này phản ánh tính bền vững tương đối của FDI cơ cấu trước chu kỳ lãi suất ngắn hạn. Các quyết định đầu tư dài hạn được neo vào lợi thế định vị trong chuỗi cung ứng Trung Quốc + 1, lợi thế chi phí lao động, mạng lưới hiệp định thương mại và khả năng tiếp cận thị trường xuất khẩu; tất cả đều là các yếu tố có phản ứng không đáng kể trước biến động lãi suất Fed trong ngắn hạn (Cục Đầu tư nước ngoài, 2026b). Ngoài ra, một bộ phận doanh nghiệp FDI vay vốn tại thị trường Việt Nam do lãi suất VND thực tế thấp hơn chi phí vốn tại nước sở tại, biến chênh lệch lãi suất danh nghĩa thành lực hút đầu tư thay vì lực đẩy đối với nhóm này.

Ba yếu tố gián đoạn đang tích lũy dưới bề mặt của dòng FDI ấn tượng. *Thứ nhất*, mức tăng mạnh trong Quý 1/2026 một phần phản ánh hiệu ứng dồn đẩy giải ngân trước khi căng thẳng địa chính trị leo thang sau sự kiện eo biển Hormuz tháng 3/2026. *Thứ hai*, ADB dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt 7,2% năm 2026, thấp hơn mức 8,0% năm 2025, kết hợp với lạm phát tăng lên 4,0% trước khi hạ nhiệt; môi trường này có thể làm trì hoãn các quyết định mở rộng đầu tư của một số nhà đầu tư (ADB, 2026). *Thứ ba*, gián đoạn chuỗi cung ứng linh kiện bán dẫn tại Bắc Ninh và Thái Nguyên làm giảm hiệu suất vận hành thực tế. Phân tích theo kịch bản cho thấy: trong kịch bản Fed giữ nguyên lãi suất ở dải 3,50%-3,75% đến hết Quý 3/2026, FDI cơ cấu dài hạn vẫn duy trì ổn định nhờ lợi thế Trung Quốc + 1, trong khi dòng vốn đầu tư ngắn hạn tiếp tục chịu áp lực thoái lui (Hương Dịu, 2026).

4.4. Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam

Sự hội tụ của lạm phát chi phí đẩy có tính dai dẳng và suy giảm động lực tăng trưởng hình thành sơ bộ các điều kiện cần (không phải điều kiện đủ) cho một giai đoạn đình trệ lạm phát ở cường độ thấp. World Bank dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam giảm xuống còn 6,8% năm 2026, thấp hơn đáng kể so với mục tiêu tăng trưởng trên 10% của Chính phủ và mức thực hiện 8,0% năm 2025, trong khi lạm phát được dự báo đạt 4,2% (World Bank, 2026). ADB đưa ra dự báo cao hơn ở mức 7,2%, đồng thời cảnh báo lạm phát sẽ tăng lên 4,0% trước khi có xu hướng hạ nhiệt (ADB, 2026). Trong bốn tháng đầu năm 2026, thâm hụt thương mại hàng hóa đạt 7,11 tỷ USD, đảo chiều so với thặng dư 4,3 tỷ USD của cùng kỳ năm trước, phản ánh áp lực kép từ gia tăng chi phí đầu vào và nhu cầu vật tư sản xuất của khối FDI (VOV, 2026c). NHNN đang vận hành trong ràng buộc bộ ba bất khả thi ở trạng thái căng thẳng cực đoan đó là không thể đồng thời ổn định tỷ giá, duy trì tự chủ chính sách tiền tệ và duy trì cởi mở dòng vốn. Lãi suất chào bình quân liên ngân hàng VND kỳ hạn qua đêm đạt 11,1%/năm trong tháng 2-3/2026 và ghi nhận cực đại khoảng 16,39%/năm tại một số phiên giao dịch, cho thấy NHNN đã ưu tiên phòng thủ tỷ giá, chấp nhận chi phí thắt chặt thanh khoản thị trường tiền tệ nội địa (Vietnambiz, 2026a; CafeF, 2026). World Bank (2025) đã ghi nhận xu hướng thu hẹp dư địa chính sách tiền tệ của Việt Nam và khuyến nghị giảm áp lực phân bổ mục tiêu lên công cụ tiền tệ để tạo điều kiện cho tăng trưởng bền vững hơn. Dư nợ tín dụng ở mức 145% GDP tạo ra mức đòn bẩy tích lũy cao, làm tăng nguy cơ khuếch đại cú sốc trong trường hợp các điều kiện tài chính bên ngoài xấu đi nhanh chóng (World Bank, 2026).

Mức độ tổn thương tăng trưởng phân bổ không đồng đều theo cấu trúc ngành kinh tế có liên quan trực tiếp hay gián tiếp tới hoạt động thương mại hàng hóa và dịch vụ và quan hệ với khu vực Trung Đông. Nhóm chịu tác động lớn nhất là ngành hàng không nội địa. Hàng không nội địa (nhiên liệu Jet A-1 tăng gấp ba lần, phí bảo hiểm rủi ro tăng 10%–15%); xây dựng và hạ tầng (hợp đồng giá cố định trong bối cảnh chi phí nguyên vật liệu leo thang phi tuyến); lắp ráp bán dẫn hạ nguồn (gián đoạn vận hành do bất định về thời gian cung ứng) (Bộ Tài chính, 2026b; ADB, 2026). Nhóm ngành chịu áp lực cơ cấu trung bình: Xuất khẩu nông sản (biên lợi nhuận bị bào mòn bởi chi phí đầu vào và logistics); xuất khẩu dệt may và gỗ (giám sát kim ngạch sang thị trường Mỹ do tác động từ cơ chế PFC/USTR) (VOV, 2026b). Nhóm ngành có tính bền vững tương đối: FDI cơ cấu dài hạn (ít phản ứng trước chu kỳ lãi suất ngắn hạn); kiều hối (nguồn cung ngoại tệ hữu cơ ổn định có tác dụng bù trừ một phần suy giảm dự trữ) (Cục Đầu tư nước ngoài, 2026a; World Bank, 2026)

5. Kết luận và hàm ý chính sách cho Việt Nam

Hệ thống cú sốc đầu vào phi tuyến và áp lực gia tăng chi phí tài chính tích lũy trong năm tháng đầu năm 2026 đã bộc lộ giới hạn cơ cấu của mô hình tối ưu hóa chi phí ngắn hạn mà nền kinh tế Việt Nam đang vận hành. Khung phân tích kinh tế chính trị cấu trúc chỉ ra rằng sự phụ thuộc vào lợi thế chi phí lao động và dòng vốn FDI định hướng gia công lắp ráp tạo ra một trạng thái phụ thuộc lộ trình có tính hệ thống, làm thu hẹp không gian tự chủ chính sách khi nền kinh tế đối mặt với các gián đoạn thượng nguồn. Để thoát khỏi các vòng phản hồi tiêu cực của hiện tượng trễ hệ thống và điều kiện đình trệ lạm phát, Việt Nam cần thực hiện một bước chuyển dịch kiến trúc căn bản: từ chiến lược tối ưu hóa chi phí sang chiến lược ưu tiên an toàn và tự chủ nội sinh. Quá trình này đòi hỏi tái kiến tạo năng lực thể chế nhằm xây dựng khả năng chuyển đổi cấu trúc toàn diện, ngắt các kênh truyền dẫn bất ổn địa chính trị xuyên biên giới.

Việt Nam buộc phải dịch chuyển dứt khoát từ vị thế một thực thể thụ động chịu trận trước các cú sốc tỷ giá và năng lượng sang một quốc gia tự chủ về hạ tầng dữ liệu trí tuệ nhân tạo, thiết kế vi mạch nội sinh và năng lực chiến lược quốc gia, bởi đây là điều kiện tiên quyết để giải phóng chủ quyền kinh tế trong một hệ thống toàn cầu đã cơ cấu lại theo logic phi tuyến không thể đảo ngược. Chuyển dịch sang mô hình ưu tiên an toàn đòi hỏi một chương trình can thiệp tổng thể, đồng bộ từ quản trị vĩ mô đến điều phối chuỗi cung ứng vật tư chiến lược, tập trung vào bốn nút thắt cốt lõi sau.

5.1. Thiết lập vùng đệm thanh khoản và phòng vệ thể chế kinh tế

Một là, NHNN cần ưu tiên bảo tồn tính bền vững của dự trữ ngoại hối thông qua cơ chế can thiệp có chọn lọc. Chiến lược này chấp nhận thắt chặt thanh khoản nội địa trong ngắn hạn bằng cách duy trì lãi suất qua đêm liên ngân hàng ở mức hợp lý trong khoảng 6-9%/năm, nhằm ngăn chặn áp lực đầu cơ tỷ giá trên thị trường tự do.

Hai là, cần sớm thành lập Ủy ban liên bộ ứng phó khẩn cấp nhằm xử lý các cáo buộc nêu trong Báo cáo Đặc biệt 301 của USTR Mỹ (USTR, 2026). Thực thi nghiêm ngặt các biện pháp bảo hộ sở hữu trí tuệ trực tuyến và kiểm soát phần mềm không bản quyền là điều kiện cần thiết để giải trừ nguy cơ trừng phạt thuế quan, bảo vệ dòng cung ngoại tệ từ thị trường Mỹ và giải tỏa xu hướng tích trữ đồng USD của các tác nhân kinh tế.

Ba là, cần khuyến khích khối doanh nghiệp xuất nhập khẩu dịch chuyển một phần cơ cấu thanh toán sang các rổ tiền tệ thay thế bao gồm EUR, CNY và JPY, nhằm phân tán mức độ tập trung vào đồng USD trong kịch bản DXY duy trì ở vùng cao (Obstfeld & Rogoff, 2000).

5.2. Kiến tạo dự trữ chiến lược nhằm bảo đảm an ninh năng lượng và an ninh hậu cần

Một là, cần quy hoạch và nâng cấp hạ tầng dự trữ xăng dầu chiến lược, năng lượng hạt nhân, và nhiên liệu hàng không Jet A-1 quốc gia lên mức tối thiểu từ 3 đến 6 tháng nhập khẩu ròng. Cơ chế dự trữ này đóng vai trò bộ đệm hấp thụ cú sốc, triệt tiêu tác động lan truyền tức thời của các sự kiện phong tỏa điểm nghẽn hàng hải như eo biển Hormuz (IEA, 2026).

Hai là, cần hỗ trợ các doanh nghiệp vận tải chủ động chuyển dịch luồng hàng container sang các hành lang đa phương thức kết hợp đường sắt liên vận xuyên lục địa Á - Âu và tuyến đường biển thay thế, nhằm giảm mức độ phụ thuộc vào các hành lang hàng hải có mức độ gián đoạn cao và các vùng không phận bị hạn chế tại Trung Đông.

5.3. Nội địa hóa chuỗi giá trị vi mạch bán dẫn và hoàn thiện hệ sinh thái trí tuệ nhân tạo theo hướng tự chủ chiến lược

Một là, thay vì tập trung vào bài toán đa dạng hóa nguyên liệu thô thượng nguồn như nhôm và heli, vốn thuộc phạm vi trách nhiệm của các tập đoàn FDI đa quốc gia, Việt Nam cần tập trung nguồn lực tài khóa để nâng cao năng lực làm chủ các mắt xích có giá trị gia tăng cao trong chuỗi sản xuất chip bán dẫn.

Hai là, ưu tiên phát triển năng lực thiết kế vi mạch nội sinh, xây dựng các trung tâm đóng gói và kiểm thử bán dẫn quốc gia, đồng thời thiết lập hạ tầng dữ liệu chủ quyền và trung tâm tính toán trí tuệ nhân tạo sử dụng nguồn năng lượng tự chủ. Hướng đi này làm giảm hệ số khuếch đại nợ cơ học khi doanh nghiệp không còn phụ thuộc vào vay ngoại tệ để nhập khẩu toàn bộ linh kiện trung gian từ chuỗi cung ứng quốc tế.

5.4. Khép kín chuỗi cung ứng nông nghiệp tuần hoàn và an ninh lương thực

Một là, cần phát huy năng lực tự chủ chiến lược trong sản xuất phân đạm (urê) bằng cách ưu tiên phân bổ nguồn khí tự nhiên nội địa cho sản xuất hóa chất nông nghiệp, cũng như tăng cường hợp tác với các đối tác lớn trên thế giới để sản xuất phân Kali và vi lượng và phức hợp DAP ở trong nước.

Hai là, cần thiết lập cơ chế bình ổn giá và đa dạng hóa nguồn cung nhập khẩu đối với các vật tư chuyên biệt bao gồm kali, phân vi lượng và phức hợp DAP từ các đối tác thương mại ngoài khu vực Vịnh Ba Tư như Australia, Canada, hoặc các nước Nam Mỹ (Hiệp hội Phân bón Việt Nam, 2026). Chuyển đổi sang mô hình nông nghiệp xanh và tuần hoàn làm giảm nhu cầu phân bón hóa học có nguồn gốc nhập khẩu, bảo vệ biên lợi nhuận của nông hộ và nâng cao năng lực cạnh tranh của lúa gạo xuất khẩu.

Cuộc xung đột Mỹ, Israel với Iran trong năm tháng đầu năm 2026 không phải là một biến số địa chính trị ngoại vi có tác động nhất thời. Xét về bản chất, đây là một cú sốc cung có tính hệ thống, tác động trực tiếp vào cấu trúc vật chất và cấu trúc tài chính của nền kinh tế Việt Nam. Khi các kênh truyền dẫn áp lực từ eo biển Hormuz hội tụ với áp lực đô-la hóa từ chính sách Fed và áp lực trừng phạt thương mại từ USTR, các công cụ can thiệp tiền tệ và tài khóa mang tính tiệm tiến suy giảm hiệu lực đáng kể. Cấu trúc thâm hụt thương mại của khối FDI với tốc độ tăng nhập khẩu 28,7% và sự suy giảm dự trữ ngoại hối xuống dưới ngưỡng an toàn tối thiểu của IMF là các tín hiệu cảnh báo sớm về khả năng đạt điểm ngưỡng phải đẩy mạnh tái cơ cấu nền kinh tế theo hướng ưu tiên tự chủ chiến lược song hành với nâng cao khả năng cạnh tranh trên trường quốc tế.

Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt:

1. An Huy (2026). Lạm phát ở Mỹ cao nhất gần 3 năm do giá xăng dầu tăng mạnh, Fed gặp khó. *VnEconomy*. <https://vneconomy.vn/lam-phat-o-my-cao-nhat-gan-3-nam-do-gia-xang-dau-tang-manh-fed-gap-kho.htm>
2. Anh Dũng. (2026, May 20). Bắt ngờ 85% chuyên gia dự báo ngày hạ lãi suất 'còn xa', thậm chí Fed có thể tăng lãi suất khi lạm phát cao vượt mục tiêu suốt nửa thập kỷ. *CafeBiz*. <https://cafebiz.vn/bat-ngo-85-chuyen-gia-du-bao-ngay-ha-lai-suat-con-xa-tham-chi-fed-co-the-tang-lai-suat-khi-lam-phat-cao-vuot-muc-tieu-suot-nua-thap-ky-176260520100722946.chn>
3. Asian Development Bank (2026). ADB dự báo kinh tế Việt Nam tăng trưởng 7,2% năm 2026 bất chấp thách thức toàn cầu. *Tạp chí Công Thương*. <https://tapchicongthuong.vn/adb-du-bao-kinh-te-viet-nam-tang-truong-7-2--nam-2026-bat-chap-thach-thuc-toan-cau-509247.htm>
4. Bộ Tài chính (2026a). Bộ Tài chính xây dựng 3 kịch bản lạm phát năm 2026. *Thời báo Tài chính Việt Nam*. <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/bo-tai-chinh-xay-dung-3-kich-ban-lam-phat-nam-2026-192681.html>
5. Bộ Tài chính (2026b). Bộ Tài chính cập nhật 3 kịch bản lạm phát năm 2026. *Thời báo Tài chính Việt Nam*. <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/bo-tai-chinh-cap-nhat-3-kich-ban-lam-phat-nam-2026-196216.htm>
6. Bộ Tài chính (2026c). Bộ Tài chính công bố kế hoạch vay, trả nợ công năm 2026. *Thời báo Tài chính Việt Nam*. <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/bo-tai-chinh-cong-bo-ke-hoach-vay-tra-no-cong-nam-2026-196172.html>
7. CafeF (2026). Lãi suất liên ngân hàng tăng lên 11%/năm, giá USD tự do áp sát 26.900 đồng. <https://cafef.vn/lai-suat-lien-ngan-hang-tang-len-11-nam-gia-usd-tu-do-ap-sat-26900-dong-188260305092223227.chn>
8. Cục Đầu tư nước ngoài (2026a). FDI vào Việt Nam tăng mạnh gần 43% trong quý I/2026. *Báo Mới*. <https://baomoi.com/fdi-vao-viet-nam-tang-manh-gan-43-trong-quy-i-2026-r54879503.epi>
9. Cục Đầu tư nước ngoài (2026b, April 15). Dòng vốn FDI vào Việt Nam tăng mạnh trong quý I/2026. *Hà Nội Online*. <https://hanoionline.vn/dong-von-fdi-vao-viet-nam-tang-manh-trong-quy-i2026-394511.htm>

10. Hiệp hội Phân bón Việt Nam (2026). Xung đột Mỹ - Israel - Iran: Nguy cơ đẩy giá phân bón tăng mạnh. <https://vnfav.com/xung-dot-my-israel-iran-nguy-co-day-gia-phan-bon-tang-manh.stm>
11. Hoàng Hà (2026). Chiến tranh Iran và giá dầu tăng đang đe dọa chuỗi cung ứng bán dẫn toàn cầu. VnEconomy. <https://vneconomy.vn/techconnect/chien-tranh-iran-va-gia-dau-tang-dang-de-doa-chuoi-cung-ung-ban-dan-toan-cau.htm>
12. Hương Dịu (2026). Fed giữ lãi suất, tỷ giá – lãi suất tại Việt Nam ra sao? Tạp chí Kinh tế Tài chính Việt Nam. <https://tapchikinhjetaichinh.vn/fed-giu-lai-suot-ty-gia-lai-suot-tai-viet-nam-ra-sao-143881.html>
13. Joshi, A. (2026). Chiến tranh Mỹ - Iran và chuỗi cung ứng điện tử: 5 rủi ro mà các nhóm thu mua cần theo dõi. Altium Resources. <https://resources.altium.com/vi/p/us-iran-war-and-electronics-supply-chain>
14. Lê Mỹ (2026). Tỷ giá USD/VND ra sao trước áp lực lạm phát? Tạp chí Diễn đàn Doanh nghiệp. <https://diendandoanhnghiep.vn/ty-gia-usd-vnd-ra-sao-truoc-ap-luc-lam-phat-10179413.html>
15. Phương Thảo (2026). Xung đột Mỹ - Iran: Lợi thế tự chủ giúp nguồn cung phân bón Việt Nam giảm áp lực. PetroTimes. <https://petrovietnam.petrotimes.vn/xung-dot-my-iran-loi-the-tu-chu-giup-nguon-cung-phan-bon-viet-nam-giam-ap-luc-738244.html>
16. Quang Duy (2026). Chiến sự Iran làm chao đảo nhiều loại hàng hóa. Tạp chí Tia Sáng. <https://tiasang.com.vn/chien-su-iran-lam-chao-dao-nhieu-loai-hang-hoa-5053924.html>
17. Tổng cục Thống kê (2026). Thông cáo báo chí về tình hình giá tháng Ba và quý I năm 2026. <https://www.nso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2026/04/thong-cao-bao-chi-ve-tinh-hinh-gia-thang-ba-va-quy-i-nam-2026/>
18. Vietnambiz (2026a). Lãi suất chèo qua đêm liên ngân hàng bất ngờ vọt lên hơn 11%/năm. <https://vietnambiz.vn/lai-suot-chao-qua-dem-lien-ngan-hang-bat-ngo-vot-len-hon-11nam-2026339553843.htm>
19. Vietnambiz (2026b). FDI đăng ký tăng 43% trong quý I, hai nước rót hơn 9 tỷ USD vào Việt Nam. <https://vietnambiz.vn/fdi-dang-ky-tang-43-trong-quy-i-hai-nuoc-rot-hon-9-ty-usd-20264483638501.htm>
20. Vietstock (2026). Việt Nam nhập siêu hơn 7 tỷ USD trong 4 tháng đầu năm 2026. <https://vietstock.vn/2026/05/viet-nam-nhap-sieu-hon-7-ty-usd-trong-4-thang-dau-nam-2026-768-1436804.htm>
21. VN Economy (2025a). Nợ công 2025: An toàn và nhu cầu vay tăng 19% năm 2026. <https://vneconomy.vn/no-cong-nam-2025-thap-xa-nguon-tran-nhu-cau-vay-nam-2026-tang-gan-19.htm>
22. VN Economy (2025b). World Bank cảnh báo dư địa chính sách tiền tệ Việt Nam suy giảm. <https://vneconomy.vn/world-bank-canh-bao-du-dia-chinh-sach-tien-te-viet-nam-suy-giam.htm>
23. VOV (2026a). Yếu tố nào tác động đến lạm phát của Việt Nam năm 2026? <https://vov.vn/kinh-te/yeu-to-nao-tac-dong-den-lam-phat-cua-viet-nam-nam-2026-post1269925.vov>
24. VOV (2026b). Kiểm soát lạm phát năm 2026: Thách thức từ giá năng lượng và chi phí đầu vào. <https://vov.vn/kinh-te/kiem-soat-lam-phat-nam-2026-thach-thuc-tu-gia-nang-luong-va-chi-phi-dau-vao-post1287153.vov>
25. VOV (2026c). Nhập khẩu tăng mạnh, Việt Nam nhập siêu 7,11 tỷ USD trong 4 tháng đầu năm 2026. <https://vov.vn/kinh-te/nhap-khau-tang-manh-viet-nam-nhap-sieu-711-ty-usd-trong-4-thang-dau-nam-2026-post1288642.vov>

26. VOV (2026d). Iran và "vũ khí kinh tế": Khi điểm nghẽn định hình lại quyền lực toàn cầu. <https://vov.vn/the-gioi/quan-sat/iran-va-vu-khi-kinh-te-khi-diem-nghen-dinh-hinh-lai-quyen-luc-toan-cau-post1282812.vov>
27. VTV Money (2026). Yếu tố nào tác động đến lạm phát của Việt Nam năm 2026? <https://money.vtv.vn/yeu-to-nao-tac-dong-den-lam-phat-cua-viet-nam-nam-2026-10926021917010696.htm>
28. World Bank (2025). Cập nhật kinh tế vĩ mô Việt Nam [Được trích dẫn qua VN Economy, 2025b].
29. World Bank (2026). Kiên định cải cách, ứng phó với biến động: Cập nhật tình hình kinh tế Việt Nam. <https://documents1.worldbank.org/curated/en/099749005122637192/pdf/IDU-309fd969-dbf-4009-af2d-9ef352074a9d.pdf>

Tiếng Anh:

1. Beach, D., & Pedersen, R. (2013). Process-tracing methods: Foundations and guidelines. University of Michigan Press. <https://doi.org/10.3998/mpub.2556282>
2. Folke, C., Carpenter, S. R., Walker, B., Scheffer, M., Chapin, T., & Rockström, J. (2010). Resilience thinking: Integrating resilience, adaptability and transformability. *Ecology and Society*, 15(4), 20. <https://doi.org/10.5751/ES-03610-150420>
3. International Energy Agency. (2026, May 13). Oil market report — May 2026. IEA Publications. https://iea.blob.core.windows.net/assets/2b89a47b-34a2-40e0-90ff-68f7ccd80715/-13MAY2026__OilMarketReport_publicversion.pdf
4. International Monetary Fund (2026). Global economy in the shadow of war: World economic outlook. IMF Publication Services. <https://www.imf.org/en/publications/weo>
5. North, D. C. (1990). Institutions, institutional change and economic performance. Cambridge University Press. <https://doi.org/10.1017/cbo9780511808678>
6. Obstfeld, M., & Rogoff, K. (2000). Perspectives on OECD economic integration: Implications for U.S. current account adjustment. Federal Reserve Bank of Kansas City. <https://www.kansascityfed.org/documents/3520/2000-S00rogo.pdf>
7. O'Carroll, L. (2026). Global food supplies could be badly hit if Iran war drags on, says fertiliser boss. *The Guardian*. <https://www.theguardian.com/world/2026/mar/14/global-food-supplies-iran-war-fertiliser-yara-svein-tore-holsether>
8. Office of the United States Trade Representative (2026). 2026 Special 301 report. USTR Resource Center. <https://ustr.gov/sites/default/files/files/Press/Releases/2026/2026%20Special%20301%20Report.pdf>
9. The Economist (2026). The Iran war is roiling commodities far beyond oil. <https://www.economist.com/finance-and-economics/2026/03/16/the-iran-war-is-roiling-commodities-far-beyond-oil>
10. Wendt, A. (1999). Social theory of international politics. Cambridge University Press.
11. World Economic Forum (2026). The global risks report 2026 (21st ed.). WEF Insights. https://reports.weforum.org/docs/WEF_Global_Risks_Report_2026.pdf
12. Xeneta (2026). Xeneta shipping index (XSI-C): Global container price index. Xeneta Platform. <https://xsi.xeneta.com/>.